

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E301

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 22/04/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0198	Trần Đức	Nghĩa	16/02/1999			
2	TA0199	Lê Thị	Ngọc	09/09/2000			
3	TA0200	Nguyễn Bích	Ngọc	17/04/1999			
4	TA0201	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	10/10/1999			
5	TA0202	Lưu Quang	Nguyên	25/07/1999			
6	TA0203	Nguyễn Văn	Nhàn	13/12/1999			
7	TA0204	Nguyễn Hồng	Nhung	02/06/1999			
8	TA0205	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	29/08/2000			
9	TA0206	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/12/2000			
10	TA0207	Hồ Phong	Phát	01/01/1999			
11	TA0208	Giàng A	Phía	16/09/1999			
12	TA0209	Lê Thanh	Phong	14/01/1999			
34	TA0210	Phí Trí	Phong	05/04/2000			
13	TA0211	Mai Trường	Phúc	14/10/1999			
14	TA0212	Đinh Hồng Thu	Phương	28/06/2000			
15	TA0213	Nguyễn Thị	Phương	16/10/1999			
16	TA0214	Thiều Thị Thu	Phương	22/07/2000			
17	TA0215	Trần Thị Thu	Phương	19/05/2000			
18	TA0216	Vũ Thị Thanh	Phương	03/09/2000			
19	TA0217	Hoàng Minh	Quân	26/11/1999			
20	TA0218	Lường Tú	Quân	22/03/1997			
21	TA0219	Nguyễn Anh	Quân	02/10/1999			
22	TA0220	Nguyễn Ngọc	Quý	15/06/1999			
23	TA0221	Vũ Văn	Quý	10/09/1998			

24	TA0222	Lê Công	Quyền	22/10/1999			
25	TA0223	Hoàng	Quyết	10/06/1999			
26	TA0224	Lê Thúy	Quỳnh	21/10/2000			
27	TA0225	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	06/09/2000			
28	TA0226	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	03/11/2000			
29	TA0227	Lê Trọng	Sáng	09/11/1999			
30	TA0228	Lê Văn	Sơn	07/09/1999			
31	TA0229	Nguyễn Ngọc	Sơn	11/01/1999			
32	TA0230	Nguyễn Thành	Sơn	24/01/1999			
33	TA0231	Nguyễn Trường	Sơn	04/06/1999			
34	TA0232	Trần Đức	Sơn	26/10/1999			
35	TA0233	Vũ Bá	Sơn	19/07/1998			
36	TA0234	Nguyễn Công	Tài	10/07/1999			
37	TA0235	Ninh Thành	Thái	06/11/1999			
38	TA0236	Doãn Văn	Thắng	14/04/1999			
39	TA0237	Giáp Mạnh	Thắng	16/12/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)